TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LÂM Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 104/2026/QĐST–HNGĐ	

Lâm Đ, ngày 03 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026. Giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị N, sinh ngày 19/02/1985; CCCD số 070185007197. Trú tại: Thôn 15, xã Đạ T, tỉnh Lâm Đ.

- *Bị đơn*: ông Chu Năm Đ, sinh ngày 06/7/1976; CCCD 001076066424; cấp ngày 28/6/2021. Trú tại: Thôn 15, xã Đạ T, tỉnh Lâm Đ.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị N và ông Chu Năm Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Cả hai thỏa thuận khi ly hôn giao 01 con chung là Chu Thị Thanh N1 sinh ngày 03/8/2008 cho ông Chu Năm Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với 02 con chung Chu Văn V, sinh ngày 24/9/2001; Chu Văn M, sinh ngày 02/7/2003 hiện đã thành niên nên cả hai không có yêu cầu gì đối với cháu Vinh và cháu Mùi.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về tài sản chung: ông Đ và bà N xác định không tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: ông Đ và bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: bà Hoàng Thị N thỏa thuận chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn Đ*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn Đ*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008462 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đ, Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Lâm Đ. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị N số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn Đ*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đ;
- THADS tỉnh Lâm Đ – Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Đạ Tẻh 2, tỉnh Lâm Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Đình Đạo